

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG
Về việc thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đạt Phương đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 02/QĐ-ĐP-ĐHĐCĐ ngày 15/07/2019;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đạt Phương thường niên năm 2020 số 01/2020/BB/ĐHĐCĐ ngày 25/4/2020.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính năm 2019.

1. Báo cáo tài chính năm 2019 Công ty mẹ:

I. Tổng tài sản:	:	2.251.045.636.147	đồng
1. Tài sản ngắn hạn	:	1.536.313.305.354	đồng
2. Tài sản dài hạn	:	714.732.330.793	đồng
II. Tổng nguồn vốn	:	2.251.045.636.147	đồng
1. Nợ phải trả	:	1.386.045.612.217	đồng
2. Vốn chủ sở hữu	:	865.000.023.930	đồng

2. Báo cáo tài chính năm 2019 Hợp nhất:

I. Tổng tài sản	:	5.084.249.063.654	đồng
1. Tài sản ngắn hạn	:	2.199.501.706.345	đồng
2. Tài sản dài hạn	:	2.884.747.357.309	đồng
II. Tổng nguồn vốn	:	5.084.249.063.654	đồng
1. Nợ phải trả	:	3.847.581.872.014	đồng
2. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	:	1.236.667.191.640	đồng
- Vốn góp của chủ sở hữu	:	449.998.100.000	đồng

- Thặng dư cổ phần	:	49.341.290.000	đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	:	46.985.564.994	đồng
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	:	500.000.000	đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	:	349.211.817.393	đồng
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	:	340.630.419.253	đồng

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2019.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh năm 2019 của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên năm 2019.

Điều 4: Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2019:

1. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	:	151.158.731.834	đồng
2. Trích quỹ phúc lợi (0% LNST)	:	0	đồng
3. Trích quỹ khen thưởng (3% LNST)	:	4.534.761.955	đồng
4. Trích lập quỹ Đầu tư phát triển (0%LNST)	:	0	đồng
5. Lợi nhuận còn lại năm 2019	:	146.623.969.879	đồng

** Phương án phân chia lợi nhuận 2019 như sau:*

a) Chia cổ tức cho cổ đông năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% mệnh giá, tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng.

Đối tượng nhận cổ tức: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông. Cổ phiếu quỹ không được nhận cổ tức theo quy định của pháp luật.

b) Lợi nhuận để lại tái đầu tư: là giá trị còn lại sau khi trừ đi phần trích quỹ và chia cổ tức.

* Ủy quyền cho HĐQT triển khai chi tiết việc chi trả cổ tức.

Điều 5: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020:

5.1. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ:

1. Doanh thu thuần	:	1.407	tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	:	76	tỷ đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	:	61	tỷ đồng
4. Dự kiến cổ tức	:	10	%

5.2. Kế hoạch kinh doanh Hợp nhất:

1. Doanh thu thuần	:	2.382	tỷ đồng
--------------------	---	-------	---------

2. Lợi nhuận trước thuế	:	285 tỷ đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	:	229 tỷ đồng
4. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	:	194 tỷ đồng

Điều 6: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	<p>Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</p> <p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>2. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p> <p>3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.</p> <p>4. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần.</p>	<p>Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</p> <p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị thực hiện quản lý, chào bán cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>2. Trong các trường hợp luật định, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.</p> <p>Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p> <p>3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.</p>
2	Điều 21. Trả cổ tức	Điều 21. Trả cổ tức

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung
	<p>3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức.</p> <p>Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức.</p> <p>Đối với cổ đông đã lưu ký, việc lập danh sách cổ đông và chi trả cổ tức sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>Đối với cổ đông chưa lưu ký, Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>
3	Điều 28. Đại hội đồng cổ đông j) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Đại hội đồng cổ đông j) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát
4	Điều 35. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 35. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Bổ sung thêm:</p> <p>10. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp</p> <p>b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử</p>

757-C
T
N
ONG
TP. HA

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị: Ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các thủ tục liên quan theo đúng quy định.

Điều 7: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020:

Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Điều 8: Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Phạm Quang Bình.

Điều 9: Thông qua **không** bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế thành viên từ nhiệm, số lượng thành viên HĐQT trong thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021 là 7 thành viên.

Điều 10: Thông qua Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2020:

1. Hội đồng quản trị:

Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 = **2,0%** “x” Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020.

Mức thù lao cụ thể của từng thành viên do Hội đồng quản trị phân bổ căn cứ vào phân công công việc của từng thành viên.

2. Ban kiểm soát:

Tổng thù lao Ban kiểm soát năm 2020 = **700.000.000 đồng/năm.**

Mức thù lao cụ thể của từng thành viên do Ban kiểm soát phân bổ căn cứ vào phân công công việc của từng thành viên.

Điều 11: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 12: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- UBCKNN, HOSE;
- Lưu HC-NS.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Lương Minh Tuấn